

WOMEN & SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

PHỤ NỮ & CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việt Nam hướng tới bình đẳng giới năm 2030



© Liên hợp quốc tại Việt Nam
Tháng 3 năm 2016

Ấn phẩm này là một đóng góp của UN Women cho LHQ tại Việt Nam.

Các ấn phẩm này có thể được tái bản nếu có sự đồng ý của LHQ và có thể được sử dụng cho mục đích giáo dục hoặc phi lợi nhuận.

Xin mời liên hệ:

Phòng Truyền thông LHQ

Ngôi nhà chung xanh LHQ, 304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3850 0100 | Fax: +84 4 3726 5520

Email: communications.vn@one.un.org

Báo cáo này và các nội dung bổ sung khác được đăng tải tại website: www.un.org.vn

Ảnh bìa: © UN WOMEN\2015\Thảo Hoàng



Photo: © Colorista/Hoang Hiệp

Tháng 9 năm 2015, thế giới đã đề ra một chương trình hành động đầy tham vọng nhằm chấm dứt nghèo đói, đấu tranh với bất bình đẳng và thúc đẩy sự thịnh vượng đồng thời bảo vệ môi trường vào năm 2030.

17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đã được các nhà lãnh đạo thế giới chính thức thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp quốc về Chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015, được tổ chức tại New York từ 25-27 tháng 9 năm 2015.

Chương trình nghị sự mang tên “Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” được xây dựng dựa trên Tuyên bố và Các Mục tiêu Thiên niên kỷ, một chặng đường 15 năm với mục tiêu giảm nghèo, đói, bệnh tật, bất bình đẳng giới, và bảo đảm khả năng tiếp cận nước sạch và vệ sinh trước năm 2015. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững được đưa ra nhằm giải quyết những gì mà các Mục tiêu Thiên niên kỷ chưa hoàn thành. Hơn nữa, các Mục tiêu Phát triển bền vững còn giải quyết những nguyên nhân sâu xa của nghèo đói, bất bình đẳng và bảo đảm mọi người đều được hưởng thành quả từ sự phát triển.

Các Mục tiêu Phát triển bền vững đặt ra cho chúng ta một chương trình hành động có tầm nhìn vì con người, hành tinh, sự thịnh vượng, hòa bình và hợp tác. Các mục tiêu này thúc đẩy những xã hội hòa bình, công bằng và hoà hợp. Nếu chúng ta có cơ hội đạt được những mục tiêu này thì tất cả mọi người đều có vai trò trong tiến trình đó.

Bình đẳng cho phụ nữ

Chương trình nghị sự 2030 đề ra 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu. Cùng với các chỉ tiêu của mục tiêu số 5 “Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái”, mỗi mục tiêu đều đặt ra các chỉ tiêu cụ thể về giới, giải quyết các khía cạnh giới của nghèo, đói, y tế, giáo dục, nước và vệ sinh, việc làm, thành phố an toàn, hòa bình và an ninh. Sự tập trung mạnh mẽ vào vấn đề giới là sự thừa nhận rằng bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái là chìa khóa để thực hiện mỗi mục tiêu và toàn bộ các mục tiêu.

MỤC TIÊU 1

CHẤM DỨT MỌI HÌNH THỨC NGHÈO Ở MỌI NƠI

Phụ nữ phải có quyền tiếp cận bình đẳng tới mọi phương tiện để xóa nghèo, từ bảo trợ xã hội, lưới an sinh xã hội đến việc sử dụng công nghệ mới nhất. Thực hiện đầy đủ quyền này sẽ là chìa khóa để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững đầu tiên.

Một số chỉ tiêu chính:

- **Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả nam giới và phụ nữ, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế cũng như có khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sở hữu và kiểm soát đất đai và các hình thức tài sản khác, quyền thừa kế, quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, công nghệ mới phù hợp và các dịch vụ tài chính, bao gồm tài chính vi mô.**
- **Tạo lập các khung chính sách hợp lý ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, dựa trên các chiến lược phát triển hướng tới giảm nghèo và nhạy cảm giới nhằm hỗ trợ tăng cường đầu tư cho các hoạt động xóa đói giảm nghèo.**

Chúng ta chỉ có thể xóa nghèo bằng cách xóa bỏ sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới. Bất bình đẳng giới gây ra và duy trì sự nghèo đói của phụ nữ, tước đoạt của họ các quyền và cơ hội cơ bản.

Phụ nữ tham gia tích cực vào hoạt động kinh tế mỗi ngày – từ kiếm thu nhập, tạo việc làm với tư cách là doanh nhân, đến chăm sóc gia đình và người lớn tuổi. Tuy nhiên, một phụ nữ là nông dân có thể sẽ không được tiếp cận bình đẳng như nam giới đối với cây giống, tín dụng, công nghệ và các dịch vụ khuyến nông.¹ Cô ấy cũng ít có khả năng sở hữu đất hơn – trên toàn thế giới chỉ 20% số chủ sở hữu đất là phụ nữ.² Nếu cô hy vọng một ngày nào đó được thừa kế tài sản của gia đình thì luật có thể tước đoạt của cô phần thừa kế bình đẳng, hoặc đơn giản là quy ước xã hội sẽ ưu tiên những người họ hàng nam giới của cô.

Điều này đặc biệt đúng ở Việt Nam. Sự tiếp cận đất đai của phụ nữ thường bị cản trở bởi sự mơ hồ về luật pháp, thiếu khả năng tiếp cận các dịch vụ pháp lý, và hạn chế trong nhận thức và hiểu biết

1 FAO, 2011. Thực trạng Lương thực và Nông nghiệp năm 2011: Phụ nữ và Nông nghiệp, Xóa bỏ khoảng cách giới vì Phát triển. Xin lưu ý rằng mặc dù có những hạn chế về số liệu ở cấp độ toàn cầu nhưng có các bằng chứng chứng minh cho nhận định này.

2 Nt



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

1 NO POVERTY



pháp luật. Thông thường, quyền đối với đất đai vẫn được xác định bằng những tập quán truyền thống về dòng tộc, nối dõi và thừa kế theo dòng phụ hệ.³ Theo một nghiên cứu năm 2011, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do phụ nữ đứng tên một mình chỉ chiếm 20%.⁴ Lao động nữ nông thôn ít có khả năng tiếp cận đào tạo nghề hơn nam giới, ngoài ra các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.⁵ Mặc dù các hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn nhưng họ vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ.

Nghèo đói đi cùng với nhiều nguy cơ, và sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới khiến phụ nữ dễ bị tổn thương hơn. Trong thời kỳ suy thoái kinh tế, phụ nữ thường ít khi có tiền tiết kiệm hơn hoặc ít có khả năng bù đắp cho phần thu nhập mất đi. Tỷ lệ trẻ em gái con nhà nghèo tảo hôn cao gấp đôi so với trẻ em gái con nhà giàu.⁶ Tại Việt Nam, cứ

3 Hershkovitz, L., 2012. Tóm tắt chính sách: Khuôn khổ Pháp lý về Quyền đối với đất đai của Phụ nữ phù hợp với các cam kết của Việt Nam về Quyền con người/ Quyền của phụ nữ (dự thảo) (chưa công bố)

4 World Bank, 2011. Báo cáo đánh giá tình hình giới tại Việt Nam năm 2011

5 FAO và Sida, 2010. Hồ sơ vấn đề giới trong các hộ gia đình nông nghiệp ở cấp quốc gia.

6 http://www.unicef.org/media/files/Child_Marriage_Report_7_17_LR.pdf

TÀI CHÍNH



Hơn
1,3 tỉ

phụ nữ không có tài khoản cá nhân tại một tổ chức tài chính chính thức

↓
Đó là các ngân hàng, hợp tác xã, công đoàn tín dụng, bưu điện hay các tổ chức tài chính vi mô

10 phụ nữ thì có 1 người lấy chồng trước tuổi 18, hầu hết ở vùng sâu vùng xa, khu vực nghèo khó.⁷ Tình trạng này khiến cho trẻ em gái có nguy cơ mang thai sớm. Đồng thời do gặp khó khăn trong tiếp cận các cơ hội giáo dục cũng như phải mang nhiều gánh nặng công việc gia đình, các em cũng có ít sự lựa chọn hơn, và vì vậy càng bị mắc kẹt trong nghèo đói.

7 Tổng cục Thống kê Việt Nam và UNICEF, 2015. Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam năm 2014

MỤC TIÊU 2

CHẤM DỨT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐÓI, ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG, VÀ THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Xóa đói nghĩa là mọi phụ nữ được dùng đủ thực phẩm với đầy đủ chất dinh dưỡng. Nếu được cởi trói thoát khỏi sự phân biệt đối xử thì mọi phụ nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp đều có thể góp phần đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu.

Một số chỉ tiêu chính

- **Đến năm 2030, chấm dứt các hình thức suy dinh dưỡng, bao gồm đến năm 2025 đạt được các mục tiêu cam kết quốc tế về thấp còi và gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi, đồng thời giải quyết nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú và người già.**
- **Đến năm 2030, tăng gấp đôi năng suất nông nghiệp và thu nhập của những người sản xuất lương thực ở quy mô nhỏ, đặc biệt là phụ nữ, người dân tộc, nông hộ, người chăn nuôi gia súc và ngư dân, bao gồm thông qua việc bảo đảm tiếp cận an toàn và bình đẳng đối với đất đai, các nguồn lực sản xuất và nguyên liệu đầu vào khác, tri thức, dịch vụ tài chính, thị trường và các cơ hội việc làm trong những ngành tạo giá trị gia tăng và ngành phi nông nghiệp.**

Mặc dù phụ nữ là người chuẩn bị tới 90% các bữa ăn của gia đình trên toàn thế giới,⁸ nhưng trong những lúc khó khăn, họ thường nhịn đói và nhường cho người khác. Những hộ gia đình do phụ nữ làm chủ có thể không đủ ăn đơn giản là vì họ có thu nhập thấp hơn và dễ bị tổn thương hơn trước các cú sốc và khủng hoảng bất ngờ.

Có đầy đủ dinh dưỡng không chỉ đơn giản là ăn đủ lượng mà còn cần đủ chất. Phụ nữ ở những hộ nghèo thường không có đủ chất dinh dưỡng mà họ cần, khiến cho việc đáp ứng những đòi hỏi của cơ thể trong quá trình mang thai và cho con bú trở nên khó khăn hơn. Phân biệt đối xử trên cơ sở giới làm hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế, giáo dục cũng như các nguồn thu nhập, vì vậy càng khiến phụ nữ thiếu thốn về mặt dinh dưỡng.

Vì phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất lương thực, sẽ không thể chấp nhận được nếu phụ nữ bị thiếu dinh dưỡng. Trung bình phụ nữ

⁸ WHO và UNICEF, 2014. Báo cáo cập nhật: Tiến bộ về vệ sinh và nước uống, tr. 8-9. http://whqlibdoc.who.int/publications/2010/9789241563956_eng_full_text.pdf?ua=1



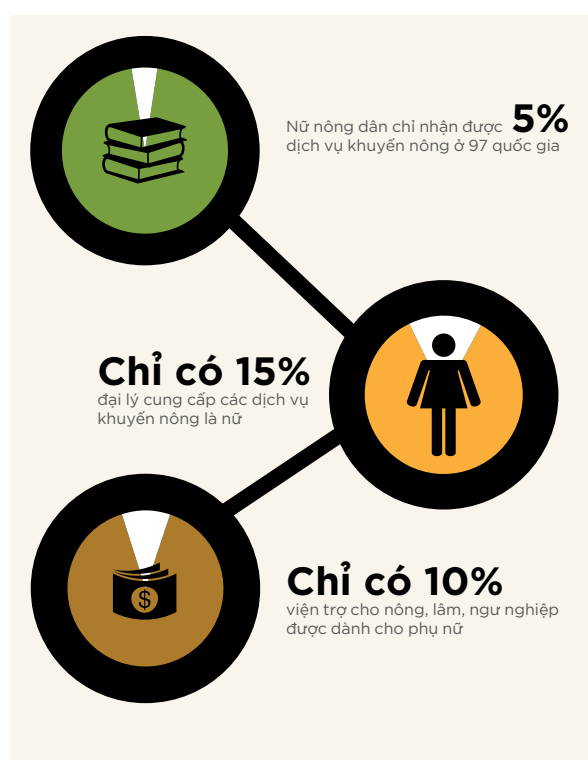
Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

2 ZERO HUNGER



chiếm tới 43% lực lượng lao động ở các nước đang phát triển, và tới trên 50% ở một số khu vực của châu Á và châu Phi.⁹ Tỷ lệ này ở Việt Nam lên tới 60%,¹⁰ tuy nhiên, phụ nữ ít có khả năng tiếp cận đất đai và nguồn lực sản xuất hơn nam giới. Ở Việt Nam, chỉ có 9% số chủ trang trại là phụ nữ¹¹ và phụ nữ làm nông nghiệp quy mô nhỏ có khả năng tiếp cận đất đai thấp hơn hẳn so với nam giới.

Nếu phụ nữ được tiếp cận bình đẳng các nguồn lực trong nông nghiệp, sản lượng ở các trang trại do phụ nữ làm chủ có thể tăng thêm 20-30% và tổng sản lượng nông nghiệp ở các nước đang phát triển có thể tăng thêm 2,5-4%.¹²



9 FAO, 2014. Thực trạng Lương thực và Nông nghiệp năm 2014, tr.35. <http://www.fao.org/3/a-i4040e.pdf>

10 ICARD, 2012

11 Tổng cục thống kê, 2014. Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, và thủy sản năm 2014.

12 FAO, 2011. Thực trạng Lương thực và Nông nghiệp năm 2011.

MỤC TIÊU 3

BẢO ĐẢM CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH VÀ THÚC ĐẨY PHÚC LỢI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI Ở MỌI LỨA TUỔI

Để bảo đảm quyền về y tế, sức khỏe, các hệ thống y tế cần đáp ứng đầy đủ nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao hơn, toàn diện hơn và dễ tiếp cận hơn. Những tập tục đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và hạnh phúc của phụ nữ - bao gồm mọi hình thức bạo lực trên cơ sở giới - cần được xóa bỏ.

Một số chỉ tiêu chính

- **Đến năm 2030, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ xuống dưới 70 ca trên 100,000 ca sinh sống.**
- **Đến năm 2030, bảo đảm khả năng tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, cung cấp thông tin và giáo dục, lồng ghép vấn đề sức khỏe sinh sản vào các chiến lược và chương trình quốc gia.**

Có được sức khỏe dồi dào là quyền cơ bản của mọi người. Tuy nhiên, sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới hạn chế quyền này. Nó có thể khiến phụ nữ dễ bị bệnh hơn và ít có khả năng được chăm sóc, vì nhiều lý do từ khả năng chi trả đến chuẩn mực xã hội giữ chân họ ở trong nhà.

Trong số những phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên toàn thế giới, AIDS hiện là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong.¹³ Phụ nữ không chỉ dễ bị lây nhiễm

HIV do nguyên nhân sinh học mà tình trạng kinh tế và xã hội của họ hạn chế khả năng tự bảo vệ và đưa ra những lựa chọn trên cơ sở được trao quyền.

Ở Việt Nam, phụ nữ tiếp tục phải đối mặt với những nguy cơ từ việc quan hệ tình dục không an toàn với bạn tình. Gần 54% số ca nhiễm HIV ở phụ nữ tại Việt Nam có nguyên nhân từ những nguy cơ mà bạn tình nam của họ mang lại.¹⁴ Phụ nữ chung sống với HIV tiếp tục bị kỳ thị, phân biệt đối xử, và đặc biệt dễ bị tổn thương trước sự loại trừ xã hội. Ngay cả trong chính gia đình mình, họ cũng thường bị bỏ mặc, bỏ rơi hoặc bị tách rời khỏi con cái.¹⁵

Các nước đã cam kết bảo đảm khả năng tiếp cận toàn dân các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục và sinh sản, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn nhiều tồn tại. Trên 225 triệu phụ nữ không được đáp ứng nhu cầu về các biện pháp tránh thai.¹⁶

Ở Việt Nam, trên 1/3 thanh niên thiếu khả năng

¹³ Tài liệu cung cấp thông tin số 334 của WHO. <http://www.who.int/mediacentre/factsheets/fs334/en/>

¹⁴ UNAIDS và UN Women, 2012. Đánh giá mức độ lây nhiễm HIV qua bạn tình ở Việt Nam: Thực hành kiểm tra chéo dữ liệu

¹⁵ Một LHQ tại Việt Nam, 2010. Lây nhiễm HIV từ nam giới sang phụ nữ trong quan hệ bạn tình ở Việt Nam: Tài liệu thảo luận.

¹⁶ UNFPA, 2014. Adding it up. <http://www.unfpa.org/adding-it-up>



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

tiếp cận các biện pháp cũng như thông tin phù hợp về tránh thai.¹⁷ Khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình vẫn còn hạn chế, nhất là đối với phụ nữ trẻ chưa lập gia đình, phụ nữ di cư và phụ nữ ở miền núi, vùng sâu vùng xa. Bạn tình nam cũng có thể cản trở phụ nữ sử dụng các biện pháp tránh thai, góp phần làm trầm trọng thêm những hậu quả của bất bình đẳng giới. Tỷ lệ mang thai vị thành niên ngày càng tăng,¹⁸ và trên 6% phụ nữ trong độ tuổi từ 15-19 đã sinh con, mặc dù mang thai sớm sẽ mang lại nhiều nguy cơ đối với sức khỏe.¹⁹

Ở các khu vực đang phát triển, nơi tỷ lệ tử vong bà mẹ cao hơn 14 lần so với các khu vực phát triển, chỉ có một nửa số phụ nữ mang thai được chăm sóc trước khi sinh với tiêu chuẩn tối thiểu.²⁰ Ở Việt Nam, mặc dù tỷ lệ tử vong bà mẹ đã giảm đáng kể trong vòng hai thập kỷ qua nhưng sự cách biệt trong tỷ lệ tử vong giữa các vùng miền và nhóm kinh tế-xã hội vẫn là vấn đề đáng quan ngại. Ví dụ, tỷ lệ tử vong bà mẹ ở phụ nữ dân tộc thiểu số cao

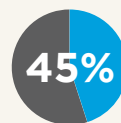
17 UNFPA, 2013. Ngày dân số thế giới 2013 : Mang thai ở tuổi vị thành niên. <http://vietnam.unfpa.org/public/pid/14588>

18 Bộ Y tế Việt Nam, 2014. Báo cáo của Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em.

19 Tổng cục Thống kê Việt Nam và UNICEF, 2015. Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014.

20 LHQ, 2015. Báo cáo mục tiêu phát triển thiên niên kỷ năm 2015, tr.9 http://www.un.org/millenniumgoals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20%28July%201%29.pdf

TỬ VONG BÀ MẸ



Hiện nay, trên toàn thế giới

tỷ lệ tử vong sản phụ

thấp hơn 45% so với năm 1990



Nhưng vẫn có **800 phụ nữ chết mỗi ngày**

vì các nguyên nhân liên quan đến mang thai có thể phòng tránh được. 99% tỷ lệ tử vong đến từ các nước đang phát triển

gấp 4 lần so với phụ nữ dân tộc Kinh. Phụ nữ dân tộc thiểu số thường không thể tiếp cận các dịch vụ do trung tâm y tế ở xa, chất lượng dịch vụ y tế thấp, những rào cản về ngôn ngữ và văn hóa, và do không đủ khả năng thanh toán tiền thuốc men và viện phí.²¹ Do vậy độ bao phủ dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước khi sinh cho phụ nữ dân tộc thiểu số vẫn thấp. Cứ năm phụ nữ dân tộc thiểu số thì có một người không được khám thai;²² và ở các tỉnh vùng núi phía bắc, khoảng 40-60% số phụ nữ mang thai sinh con tại nhà.²³

21 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

22 Tổng cục Thống kê Việt Nam và UNICEF, 2015. Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014.

23 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

MỤC TIÊU 4

BẢO ĐẢM GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN VÀ CÔNG BẰNG, ĐỒNG THỜI THÚC ĐẨY CÁC CƠ HỘI HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Trẻ em trai và trẻ em gái cần được tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng trong suốt cuộc đời của trẻ. Giáo dục mầm non tạo dựng nền tảng cho mọi loại hình giáo dục sau này. Học tập suốt đời cho người lớn mở rộng các lựa chọn cho một cuộc sống hữu ích và mãn nguyện.

Một số chỉ tiêu chính

- Đến năm 2030, bảo đảm tất cả trẻ em gái và trẻ em trai hoàn thành giáo dục tiểu học và trung học miễn phí, công bằng và có chất lượng để có được kết quả học tập phù hợp và hiệu quả
- Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả các trẻ em gái và trẻ em trai được tiếp cận cơ hội phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình giáo dục tiểu học
- Đến năm 2030, bảo đảm tiếp cận công bằng cho phụ nữ và nam giới đối với giáo dục kỹ thuật, dạy nghề và sau phổ thông với chi phí phù hợp và có chất lượng cao, bao gồm cả bậc đại học
- Đến năm 2030, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục và bảo đảm tiếp cận bình đẳng tất cả các trình độ giáo dục và đào tạo nghề cho những người yếu thế, trong đó có người khuyết tật,

người dân tộc và trẻ em có hoàn cảnh dễ bị tổn thương

- Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả thanh thiếu niên và phân đông người trưởng thành, cả nam giới và nữ giới, đều biết chữ và biết làm toán.
- Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người đi học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, thông qua nhiều cách trong đó có giáo dục để phát triển bền vững và lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình và phi bạo lực, công dân toàn cầu; đánh giá cao sự đa dạng văn hóa cũng như những đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững.
- Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục phù hợp với trẻ em, người khuyết tật và nhạy cảm về giới, đồng thời tạo dựng một môi trường học tập an toàn, phi bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người.

4 QUALITY EDUCATION



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

Tất cả các khu vực đang phát triển trên thế giới đã đạt được – hoặc gần đạt được – tỷ lệ nhập học ngang bằng giữa trẻ em trai và trẻ em gái ở cấp tiểu học. Đây là một thành tựu mang tính lịch sử, tuy nhiên vẫn chưa thể coi đó là bình đẳng trong giáo dục. Tại nhiều nước, khoảng cách giới ngày càng lớn ở cấp trung học và đại học.²⁴

Tại Việt Nam, mặc dù khoảng cách giới ở cấp tiểu học và trung học gần như đã được xóa bỏ²⁵ nhưng phụ nữ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số và hộ nghèo có ít cơ hội tiếp cận giáo dục hơn, cũng như có tỷ lệ bỏ học và mù chữ cao hơn.

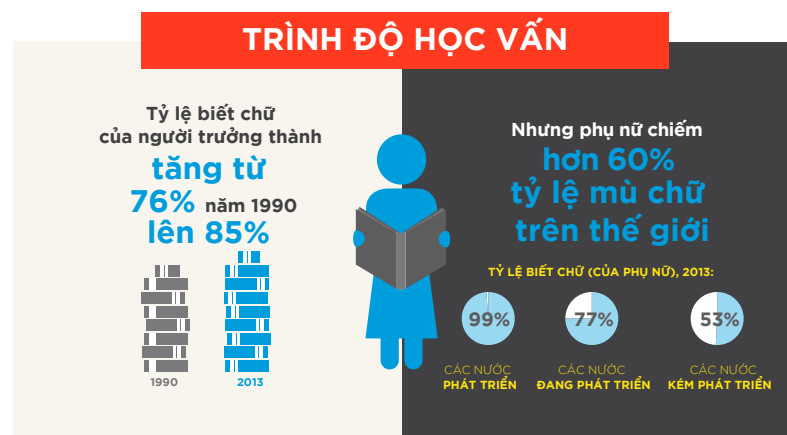
Giáo dục là một quyền. Giáo dục trao quyền cho cá nhân để giúp họ có cuộc sống tốt đẹp hơn và góp phần vào những thành tựu kinh tế và xã hội rộng lớn hơn. Trong vòng 5 thập kỷ qua, giáo dục được cải thiện đã đóng góp khoảng 50% cho tăng trưởng ở các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD.²⁶ Khoảng một nửa trong đó là do nhiều phụ nữ được đi học ở các cấp cao hơn, và thời gian đi học của nam giới và phụ nữ cũng bình đẳng hơn.²⁷

24 UNESCO và UNICEF, 2015. Sửa chữa lời hứa không được thực hiện về giáo dục cho mọi người. http://www.unicef.org/education/files/allinschool.org_wp-content_uploads_2015_01_Fixing-the-Broken-Promise-of-Education-For-All-full-report.pdf

25 CHXHCN Việt Nam, 2015. Báo cáo Quốc gia: 15 năm Việt Nam thực hiện Các mục tiêu Thiên niên kỷ

26 OECD, 2012. Bình đẳng giới trong Giáo dục, Việc làm và Doanh nghiệp: Báo cáo cuối cùng gửi MCM 2012, tr. 3 <http://www.oecd.org/employment/50423364.pdf>

27 Nt. tr. 19.



Để giáo dục mang lại kết quả thì tất cả mọi người đều phải được tiếp cận với giáo dục và chất lượng giáo dục phải được đảm bảo. Những nỗ lực nhằm xóa bỏ định kiến giới cần xóa bỏ những khuôn mẫu hạn chế phụ nữ tiếp cận giáo dục hoặc hướng phụ nữ và trẻ em gái vào những ngành học hoặc những nghề "phù hợp cho nữ giới". Ở Việt Nam, định kiến giới phổ biến trong sách giáo khoa, các tài liệu và phương pháp giảng dạy đang củng cố định kiến giới và các vai trò giới truyền thống. Trẻ em trai và trẻ em gái bị hướng theo những ngành học hoặc đào tạo khác nhau, ảnh hưởng đến triển vọng nghề nghiệp tương lai và khả năng kiếm thu nhập của các em.²⁸ Nguồn lực dành riêng cho lồng ghép giới hiện đang rất hạn chế, điều này hạn chế tiềm năng to lớn của lĩnh vực giáo dục trong việc tạo ra thay đổi thực sự cho bình đẳng giới.

28 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

MỤC TIÊU 5

ĐẠT ĐƯỢC BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI

Phụ nữ có quyền được bình đẳng trong mọi lĩnh vực. Điều này cần được lồng ghép xuyên suốt toàn bộ hệ thống pháp luật, được quy định trong cả luật và thực thi pháp luật, bao gồm các biện pháp tích cực như định mức (quota). Do mọi lĩnh vực của đời sống đều liên quan đến bình đẳng giới, cần có những nỗ lực để loại bỏ tận gốc sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới ở mọi nơi.

Các chỉ tiêu:

- *Chấm dứt mọi hình thức phân biệt đối xử đối với tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở mọi nơi*
- *Xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng cũng như nơi riêng tư, bao gồm cả hành vi buôn người, bóc lột tình dục và tất cả các hình thức bóc lột khác*
- *Xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, cưỡng hôn và cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ*
- *Công nhận và đề cao công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không thù lao thông qua việc cung cấp các dịch vụ công, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, và thúc đẩy việc chia sẻ trách nhiệm trong gia đình phù hợp với điều kiện từng quốc gia*
- *Bảo đảm sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và có cơ hội bình đẳng được nắm giữ vị trí lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội*
- *Bảo đảm tiếp cận toàn dân về sức khỏe tình dục và sinh sản cũng như quyền sinh sản đã được thông qua phù hợp với Chương trình Hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và các văn kiện về kết quả của các hội nghị đánh giá việc thực hiện Chương trình và Cương lĩnh này*
- *Tiến hành cải cách nhằm trao cho phụ nữ quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực kinh tế, cũng như khả năng tiếp cận quyền sở hữu và kiểm soát đất đai, các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên khác, phù hợp với luật pháp quốc gia*
- *Tăng cường sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi cho phụ nữ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông nhằm thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ*
- *Thông qua và tăng cường các chính sách thuận lợi và hệ thống pháp luật có hiệu lực cao nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái ở tất cả các cấp.*

5 GENDER EQUALITY



Các mục tiêu phát triển bền vững nhằm thay đổi tiến trình của thế kỷ 21 và giải quyết những thách thức chính như nghèo đói, bất bình đẳng và bạo lực đối với phụ nữ. Trao quyền cho phụ nữ là điều kiện tiên quyết để đạt được điều này.

Phụ nữ đóng vai trò then chốt trong tất cả các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó nhiều chỉ tiêu đã thừa nhận một cách rõ ràng rằng bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ vừa là mục tiêu, vừa là một phần của giải pháp. Mục tiêu số 5 được biết đến như là mục tiêu riêng về giới vì nó được dành riêng để thực hiện những mục đích trên.

Cần có những thay đổi sâu rộng về pháp lý và lập pháp để bảo đảm quyền của phụ nữ trên toàn thế giới. Đến năm 2014, hiến pháp của 143 quốc gia đã đảm bảo công bằng giữa phụ nữ và nam giới, tuy nhiên, vẫn còn 52 nước chưa thực hiện được điều này.²⁹ Ở nhiều quốc gia, phân biệt đối xử trên cơ sở giới vẫn còn tồn tại trong những quy phạm pháp luật và xã hội.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có nhiều tiến bộ trong việc



đưa ra các quy định pháp luật về bình đẳng giới nhưng theo rà soát mới nhất của Ủy ban Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc CEDAW vẫn còn tồn tại những khoảng trống lớn trong việc thực thi các luật và chính sách thúc đẩy bình đẳng giới.³⁰ Đồng thời, các quy định mang tính phân biệt đối xử vẫn tồn tại trong

²⁹ Cơ sở dữ liệu về Hiến pháp của UN Women, 2014. <http://constitutions.unwomen.org/en>

³⁰ Ủy ban về Xóa bỏ Mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW), 2015. Quan sát kết luận về báo cáo ghép định kỳ lần thứ 7 và thứ 8 của Việt Nam, CEDAW/C/VNM/CO/7-8, 6-24/7/2015.

BẠO LỰC VỚI PHỤ NỮ

Năm 1993,
Tuyên bố
Xóa bỏ Bạo lực
với phụ nữ của
Đại Hội đồng LHQ

tạo khuôn khổ hành động
để giải quyết vấn nạn này



Nhưng sau hơn 20 năm,
1 trong 3 phụ nữ
vẫn phải chịu
bạo hành về
thể chất và tình dục,
chủ yếu bởi bạn tình.



một số luật, như quy định về tuổi kết hôn tối thiểu và tuổi nghỉ hưu của nam giới và phụ nữ.

Những khác biệt đậm nét về giới vẫn tồn tại trong cả lĩnh vực kinh tế và chính trị. Mặc dù đã có một số tiến bộ trong vài thập kỷ qua nhưng trên thị trường lao động toàn cầu, thu nhập trung bình của phụ nữ vẫn thấp hơn nam giới 24%.³¹ Ở Việt Nam, mặc dù có trình độ ngang nhau, phụ nữ vẫn có thu nhập thấp hơn nam giới. Có nhiều phụ nữ làm các công việc không chính thức và dễ bị tổn thương hơn nam giới³², đồng thời họ cũng ít được tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội.³³ Phụ nữ chỉ chiếm thiểu số trong mọi cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Ở phạm vi toàn cầu, đến tháng 8 năm 2015, chỉ có 22% số nghị sĩ trong quốc hội của tất cả các nước là nữ, tăng chậm so với tỷ lệ 11% năm 1995.³⁴ Tại Việt Nam, tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội là 24%, cao hơn tỷ lệ trung bình thế giới, nhưng tỷ lệ đại biểu quốc hội chuyên trách chỉ đạt 17%.³⁵ Tỷ lệ đại diện của phụ nữ trong quốc hội trong nhiệm kỳ vừa qua lại giảm, đi ngược lại xu hướng chung của thế giới. Tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành Trung ương

31 UN Women, 2015. Tiến bộ của Phụ nữ thế giới năm 2015-2016: Thay đổi các nền kinh tế, thực hiện các quyền. <http://datatopics.worldbank.org/gender/key%20gender%20employment%20indicators>

32 CHXHCN Việt Nam, 2015. Báo cáo Quốc gia: 15 năm Việt Nam thực hiện Các mục tiêu Thiên niên kỷ

33 ILSSA và UN Women, 2015. Báo cáo về Bảo trợ xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam

34 Liên minh Nghị viện Thế giới, 2015. Phụ nữ trong nghị viện các quốc gia. <http://www.ipu.org/wmn-e/world.htm>

35 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

Đảng còn thấp hơn nữa, chỉ đạt dưới 9% trong 3 nhiệm kỳ gần đây nhất.³⁶

Tại Việt Nam, số phụ nữ nắm vị trí lãnh đạo đang giảm. Ví dụ, tỷ lệ phụ nữ nắm giữ vị trí bộ trưởng và tương đương đã giảm từ 12% trong giai đoạn 2007-2011 xuống còn 4,5% trong giai đoạn 2011-2016.³⁷ Những vị trí cao trong lĩnh vực thực thi pháp luật như công an, kiểm sát và tòa án phần lớn vẫn do nam giới nắm giữ.³⁸ Mặc dù xã hội dân sự đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giám sát và đấu tranh cho quyền của phụ nữ nhưng ở Việt Nam vẫn còn những trở ngại lớn đối với các tổ chức xã hội dân sự, bao gồm các tổ chức đấu tranh vì bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, trong việc tham gia một cách có ý nghĩa vào quá trình xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá các luật, chính sách và chương trình.³⁹

Bình đẳng giới trong phạm vi gia đình cũng cần được cải thiện. Phụ nữ Việt Nam vẫn phải làm các công việc nội trợ và chăm sóc gia đình nặng nhọc mà không có thù lao. Chỉ có 56% số nam giới cho biết có tham gia làm việc nhà.⁴⁰ Ngày càng có nhiều phụ nữ trẻ di cư ra thành phố hay ra nước ngoài, cộng thêm chi phí trông giữ trẻ cao, đã chuyển gánh nặng chăm sóc trẻ từ phụ nữ trẻ sang phụ nữ lớn tuổi, thường là họ hàng. Đồng thời, phụ nữ di cư lại trở thành người giúp việc gia đình ở các khu vực đô thị.

Trong khi đó, bạo lực đối với phụ nữ là một vấn nạn tác động đến mọi quốc gia, thậm chí cả những nước đã có tiến bộ đáng ghi nhận trong những lĩnh vực khác. Trên toàn thế giới, 35% phụ nữ từng bị bạo hành về thể chất và/hoặc tình dục

36 UNDP Việt Nam, 2012. Sự đại diện của phụ nữ ở vị trí lãnh đạo tại Việt Nam.

37 Ngân hàng Thế giới, 2011. Báo cáo đánh giá tình hình giới ở Việt Nam, tr.78.

38 UN Women và UNODC, 2013. Đánh giá thực trạng của phụ nữ trong hệ thống pháp lý ở Việt Nam nhằm hỗ trợ các nỗ lực của chính phủ hướng tới bình đẳng giới hiệu quả trong hệ thống pháp lý.

39 Ủy ban về Xóa bỏ Mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW), 2015. Quan sát kết luận về báo cáo ghép định kỳ lần thứ 7 và thứ 8 của Việt Nam, CEDAW/C/VNM/CO/7-8, 6-24/7/2015.

40 Ngân hàng Thế giới, 2011. Báo cáo đánh giá tình hình giới ở Việt Nam



Photo: © Colorista/Hoang Hiep

do bạn tình hoặc người khác gây ra.⁴¹ Ở Việt Nam, cứ 10 phụ nữ từng kết hôn thì có gần 6 người từng chịu một hình thức bạo lực nào đó như thể chất, tình dục hoặc tinh thần vào một thời điểm nào đó trong đời.⁴² Hậu quả của bạo lực gia đình ước tính làm thất thoát 3,2% GDP của Việt Nam, trên cơ sở tính toán tổng thể năng suất lao động mất đi và chi phí cơ hội. Đồng thời, những phụ nữ bị bạo lực gia đình cũng có thu nhập thấp hơn 35% so với phụ nữ không bị bạo lực.

Quấy rối tình dục ở công sở⁴³ và nơi công cộng⁴⁴ cũng phổ biến ở Việt Nam. Buôn bán phụ nữ và trẻ em gái nhằm mục đích bóc lột lao động, lạm dụng tình dục và hôn nhân cũng có xu hướng gia

41 WHO, 2013. Ước tính toàn cầu và khu vực về Bạo lực đối với Phụ nữ, tr. 2 http://apps.who.int/iris/bitstream/10665/85239/1/9789241564625_eng.pdf (Thông tin về từng nước có thể xem tại bản tổng hợp số liệu đầy đủ trong tài liệu Số liệu về sự phổ biến của Bạo lực đối với phụ nữ: Khảo sát theo nước của UN Women năm 2012)

42 UNFPA, 2012. Phòng ngừa và giải quyết bạo lực gia đình ở Việt Nam: Bài học rút ra từ mô hình can thiệp ở Phú Thọ và Bến Tre

43 LHQ Việt Nam, 2012. Tài liệu Chuyên đề: Quấy rối tình dục tại nơi làm việc ở Việt Nam: Bức tranh khái quát và Khung pháp lý giải quyết.

44 ActionAid Việt Nam, 2014. Những thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái: Giấc mơ có thể trở thành hiện thực không? Tóm tắt chính sách.

ĐẤT ĐAI VÀ CÁC TÀI NGUYÊN KHÁC

Ở 26 trên 143 quốc gia,

luật thừa kế tài sản (văn bản pháp luật được thông qua bởi cơ quan lập pháp) có sự khác biệt giữa phụ nữ và đàn ông



Hậu quả

Tăng nguy cơ nghèo đói và ảnh hưởng đến an ninh lương thực, hạn chế sử dụng tài nguyên và tín dụng; phụ thuộc vào đàn ông để đảm bảo kế sinh nhai

CẮT BỘ PHẦN SINH DỤC NỮ



200 triệu

phụ nữ và trẻ em gái phải trải qua tục cắt bỏ âm vật ở 30 quốc gia nơi tập tục nguy hiểm này diễn ra thường xuyên

Hậu quả

Dẫn tới những chấn thương nghiêm trọng về thể chất và tinh thần cũng như những nguy hiểm tiềm tàng với sức khỏe, trong đó có sức khỏe sinh sản và tình dục. Nguy hiểm hơn, có thể dẫn tới tử vong do mất máu hoặc nhiễm trùng máu

tăng. Tư tưởng trọng nam nặng nề cũng gây ra sự gia tăng tình trạng phá bỏ thai nhi nữ.⁴⁵

Nạn tảo hôn vẫn phổ biến trong một số nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là những dân tộc ở vùng sâu vùng xa. Ở những cộng đồng này, nhận thức của trẻ em gái dân tộc thiểu số về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và thực hành vệ sinh vẫn còn hạn chế, nhất là trẻ em gái sống ở trường nội trú thiếu sự quan tâm và giúp đỡ của cha mẹ.

45 UNFPA, 2014. Mất cân bằng tỷ lệ giới tính sơ sinh ở Việt Nam: Kết nối Nghiên cứu và chính sách vì sự thay đổi (Tóm tắt chính sách).

MỤC TIÊU 6

BẢO ĐẢM TÍNH SẴN CÓ, QUẢN LÝ BỀN VỮNG NƯỚC VÀ VỆ SINH CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Bảo đảm cung cấp nước và vệ sinh cho mọi người là mục tiêu; để đạt được mục tiêu này cần cân nhắc tất cả các khía cạnh liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái, và để họ tham gia trực tiếp vào quá trình.

Một số chỉ tiêu chính

- ***Đến năm 2030, đạt được sự tiếp cận điều kiện vệ sinh phù hợp và bình đẳng cho tất cả mọi người, xóa bỏ tình trạng đi vệ sinh lộ thiên, đặc biệt quan tâm tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái và những người trong hoàn cảnh yếu thế***

Một cốc nước giúp duy trì sự sống của con người, nhưng chỉ khi nó an toàn và có chi phí hợp lý. Từ năm 1990 đến năm 2015, 2,6 tỷ người đã được tiếp cận nước sạch, nhưng 663 triệu người vẫn phải sử dụng những nguồn nước không an toàn như suối và giếng nước không được vệ sinh. Chất lượng nước giảm do ô nhiễm, và tình trạng khan hiếm ngày càng tồi tệ đang tạo gánh nặng cho 40% dân số toàn cầu.⁴⁶

Tình trạng thiếu nước sạch càng tạo thêm nhiều gánh nặng cho phụ nữ. Ở Việt Nam, một số cộng đồng nghèo, ở vùng sâu vùng xa hoặc cộng đồng di cư vẫn không thể tiếp cận nước sạch, do đó phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt với nguy cơ mắc các bệnh phụ khoa.⁴⁷

Trên toàn quốc, với 65% số hộ gia đình thiếu

⁴⁶ UNDP, 2015. Báo cáo về Các mục tiêu thiên niên kỷ. http://www.un.org/millenniumgoals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20%28July%201%29.pdf

⁴⁷ ILSSA và UN Women, 2015. Báo cáo về Bảo trợ xã hội dành cho Phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam.

6 CLEAN WATER AND SANITATION



Photo: © UNICEF Viet Nam/Truong Viet Hung

nguồn cung nước tại nhà, phụ nữ và trẻ em gái thường gánh trách nhiệm đi lấy nước. Tỷ lệ này tăng thêm 10% ở các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số. Phụ nữ là người sử dụng nước sạch chính trong gia đình nhưng họ có ít cơ hội tham gia vào các quyết định liên quan đến nước sạch, từ việc xây dựng các dự án nước sạch cho hộ gia đình đến việc vận hành và bảo trì các hệ thống cấp nước công cộng.⁴⁸

Điều kiện vệ sinh kém - bao gồm đi vệ sinh lộ thiên - làm ô nhiễm nguồn nước và phát tán bệnh tật. Điều kiện vệ sinh đã được cải thiện cho 2,1 tỷ người trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2015 và tỷ lệ vệ sinh lộ thiên đã giảm gần một nửa, tuy nhiên, 2,4 tỷ người vẫn phải sử dụng các công trình vệ sinh chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh. Ở Việt Nam, điều kiện vệ sinh kém đang là vấn đề ngày càng nổi cộm ở khu vực đô thị, đặc biệt là đối với phụ nữ di cư.⁴⁹ Ở các trường học, việc không có nhà vệ sinh riêng cho nữ đã góp phần

48 Nt

49 Nt

SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH

**2 tỉ người
có cơ hội sử dụng
nước sạch**

từ năm 1990 tới năm 2010



Nhưng phụ nữ phải bỏ ra

**16 triệu giờ
mỗi ngày**

để lấy nước sạch ở 25 quốc gia
khu vực Cận Sahara, Châu Phi



PHỤ NỮ
16 TRIỆU
GIỜ



ĐÀN ÔNG
6 TRIỆU
GIỜ



TRẺ EM
4 TRIỆU
GIỜ

dẫn đến tỷ lệ nghỉ học cao ở học sinh nữ, hạn chế sự tiếp cận giáo dục và kết quả chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là ở trẻ em gái dân tộc thiểu số.⁵⁰

50 UNICEF, 2011. Nghiên cứu quốc gia về tác động của các dịch vụ vệ sinh không tốt đối với tình trạng vắng mặt của học sinh và giáo viên và tỷ lệ bỏ học ở Việt Nam.

MỤC TIÊU 7

BẢO ĐẢM SỰ TIẾP CẬN NGUỒN NĂNG LƯỢNG HIỆN ĐẠI, BỀN VỮNG, ĐÁNG TIN CẬY, VỚI GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Là người quản lý và sử dụng năng lượng chính trong hộ gia đình, phụ nữ có thể đóng vai trò mạnh mẽ trong việc mở rộng các nguồn năng lượng hiện đại, bền vững. Mọi yếu tố của việc hoạch định chính sách về năng lượng cần tính đến các khía cạnh giới và tích cực tăng cường sự lãnh đạo của phụ nữ. Trong bản thân ngành năng lượng, những rào cản đối với lãnh đạo nữ, doanh nhân và người lao động nữ cần phải được dỡ bỏ. Và cần tăng cường sự đại diện của họ trong các hội đồng về năng lượng ở cấp quốc gia và toàn cầu.

Các nguồn năng lượng hiện đại, bền vững là động lực cho phát triển, từ ánh sáng cho trẻ em làm bài tập đến những chiếc đèn đường cho phép phụ nữ đi về nhà an toàn vào ban đêm. Sự tiếp cận phổ cập đòi hỏi năng lượng cần phải có chi phí hợp lý và bền vững. Việc tạo ra năng lượng phải không làm hại đến môi trường.

Trong hộ gia đình, phụ nữ thường là người quản lý và sử dụng năng lượng chủ yếu. Khi không có các nguồn năng lượng hiện đại, họ phải dành hàng giờ mỗi ngày đi kiếm nhiên liệu để nấu ăn và sưởi ấm trong nhà. Ở Việt Nam, trên 40% số

hộ gia đình vẫn dùng nhiên liệu rắn để nấu ăn. Ở các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ này lên đến gần 90%.⁵¹ Do phụ nữ có trách nhiệm làm các công việc nội trợ, họ mang gánh nặng lớn phải đi kiếm nhiên liệu, và gặp phải nhiều mối nguy hiểm về sức khỏe hơn như khói trong quá trình chuẩn bị bữa ăn.⁵²

51 Tổng cục Thống kê Việt Nam và UNICEF, 2015. Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014.

52 Năng lượng bền vững cho mọi người, 2012. Việt Nam: Đánh giá nhanh và Phân tích Khoảng trống

7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY



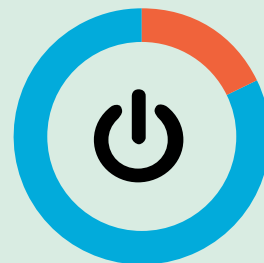
Photo: © UN Việt Nam/Jakub Zak

Một số chỉ số cho thấy phụ nữ có xu hướng bảo tồn năng lượng nhiều hơn nam giới – họ sử dụng ít năng lượng hơn tới 22% bởi họ sẵn sàng thay đổi những hành vi hàng ngày.⁵³ Tuy nhiên, phụ nữ gần như vắng mặt trong các ngành tạo ra các nguồn năng lượng có thể tái tạo hiện đại, chỉ chiếm 20% lực lượng lao động trong các ngành này.⁵⁴

53 UNIDO, 2013. Năng lượng bền vững cho mọi người: Góc nhìn giới, tr.11 http://www.unido.org/fileadmin/user_media_upgrade/What_we_do/Topics/Women_and_Youth/GUIDANCENOTE_FINAL_WEB.pdf

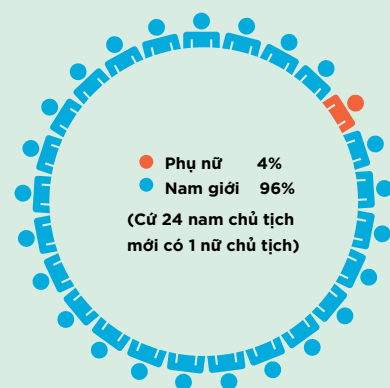
54 <http://www.irena.org/home/index.aspx?PriMenuID=12&m-nu=Pri>

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG NĂNG LƯỢNG THẾ GIỚI



● Phụ nữ 18%
● Nam giới 82%

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NĂNG LƯỢNG THẾ GIỚI



● Phụ nữ 4%
● Nam giới 96%
(Cứ 24 nam chủ tịch mới có 1 nữ chủ tịch)

MỤC TIÊU 8

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG, CÓ SỰ THAM GIA VÀ ĐƯỢC DUY TRÌ LIÊN TỤC, VIỆC LÀM ĐẦY ĐỦ VÀ NĂNG SUẤT, VIỆC LÀM BỀN VỮNG CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Khi các nền kinh tế hướng tới thực hiện quyền của phụ nữ và bình đẳng giới thì những lợi ích như xã hội công bằng hơn và động lực kinh tế lớn hơn sẽ được chia sẻ cho mọi người. Phụ nữ phải được tiếp cận công việc bền vững, nguồn lực sản xuất và dịch vụ tài chính, cũng như có tiếng nói bình đẳng trong các quyết định kinh tế.

Một số chỉ tiêu chính

- **Đến năm 2030, đạt được việc làm năng suất và đầy đủ, công việc bền vững cho cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật, trả lương bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau.**
- **Bảo vệ quyền của người lao động và khuyến khích môi trường làm việc an toàn cho tất cả lao động, kể cả lao động di cư, nhất là phụ nữ di cư, và những người làm các công việc nguy hiểm.**
- **Áp dụng các biện pháp tức thời và hiệu quả nhằm xoá bỏ lao động cưỡng bức, chấm dứt nạn nô lệ hiện đại, buôn bán người và bảo đảm việc cấm và xoá bỏ những hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em, bao gồm tuyển dụng và sử dụng binh lính trẻ em, và đến năm 2025 xoá bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức**

Một nền kinh tế toàn diện, bền vững thúc đẩy tăng trưởng với lợi ích cho mọi người. Nền kinh tế không gây hại cho môi trường và sử dụng các nguồn lực một cách khôn ngoan để các nguồn lực đủ dùng cho nhiều thế hệ mai sau. Với nhiều người, việc làm là xuất phát điểm của một cuộc sống tốt đẹp hơn về mặt kinh tế. Trong một nền kinh tế toàn diện, công việc bền vững đồng nghĩa với mức lương đủ sống, nơi làm việc an toàn và được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử.

Đến nay đã có một số tiến bộ. 20 năm trước, 40% phụ nữ làm công ăn lương; ngày nay, con số này đã tăng lên 48%. Tuy nhiên, ở phạm vi toàn cầu, tỷ lệ phụ nữ có việc làm vẫn thấp hơn so với nam giới.⁵⁵ Ở Việt Nam, lao động làm công ăn lương chiếm 35% tổng số lao động trong năm 2013, 41% trong số này là phụ nữ. Phụ nữ làm công ăn lương chiếm dưới 30% tổng số lao động nữ, so với 40% ở nam giới.⁵⁶ Việc làm của lao động nữ cũng bấp bênh hơn: năm 2014, tỷ lệ lao động nữ không có hợp đồng lao động (49%) cao hơn so với nam giới (36%).⁵⁷ Mức lương trung bình của phụ nữ cũng

55 UN Women, 2015. Tiến bộ của Phụ nữ thế giới năm 2015-2016: Thay đổi các nền kinh tế, thực hiện các quyền, chương 4, tr.199.

56 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

57 Tổng Cục Thống kê Việt Nam, 2015. Báo cáo về Khảo sát Lực lượng lao động 2014.



Photo: © UN Viet Nam/Aiden Dockery

thấp hơn của nam giới, và khoảng cách về lương giữa phụ nữ và nam giới ngày càng mở rộng, trái ngược với xu hướng chung trên toàn cầu.⁵⁸

Các định kiến giới thường định nghĩa những việc nào là “việc của phụ nữ”, và thậm chí có thể hướng phụ nữ vào một số nghề tồi tệ nhất. Trong số 143 quốc gia, ít nhất 90% có một số hạn chế mang tính pháp lý về việc làm của phụ nữ.⁵⁹ Ở Việt Nam, pháp luật cấm phụ nữ không được làm 77 nghề, như lắp đặt giàn khoan trên biển hay khoan thăm dò giếng dầu và khí. Phụ nữ cũng phải nghỉ hưu sớm hơn 5 năm so với nam giới, khiến cho cơ hội tuyển dụng, để bặt và đào tạo của họ bị hạn chế. Những biện pháp này, dù được đưa ra với mục đích bảo vệ, lại hạn chế cơ hội của phụ nữ và dựa trên những định kiến lạc hậu về khả năng và vai trò của phụ nữ trong xã hội.

Phụ nữ có xu hướng tham gia nhiều hơn nam giới trong những công việc dễ bị tổn thương. Ở các nước đang phát triển, có tới 75% số việc làm của phụ nữ là không chính thức hoặc không được bảo vệ.⁶⁰ Trên toàn thế giới, 83% số người giúp việc gia đình là phụ nữ - hầu hết đều không được luật pháp đảm bảo lương tối thiểu.⁶¹ Có nhiều phụ nữ

58 Diễn đàn kinh tế thế giới, 2012. Báo cáo về Khoảng cách giới trên toàn cầu; nt, 2013; nt, 2014.
59 Ngân hàng Thế giới, 2014. Phụ nữ, Kinh doanh và Pháp luật 2014: Xoá bỏ những hạn chế để thúc đẩy bình đẳng giới, tr. 8 <http://wbl.worldbank.org/~media/FPDKM/WBL/Documents/Reports/2014/Women-Business-and-the-Law-2014-Key-Findings.pdf>
60 Nt
61 UN Women, 2015. Tiến bộ của Phụ nữ thế giới năm 2015-2016: Thay đổi các nền kinh tế, thực hiện các Quyền

LƯƠNG

Ít nhất 50% phụ nữ thế giới có việc làm được trả công và lương tăng
so với mức 40% của thập kỷ 90

Nhưng phụ nữ được trả ít hơn nam giới 10-30% cho cùng 1 công việc*

*dựa trên nghiên cứu tại 83 quốc gia

làm việc trong khu vực phi chính thức hơn nam giới, họ có thu nhập trung bình thấp hơn 50% và phải đối mặt với nhiều bấp bênh hơn cũng như có ít khả năng tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội.⁶² Hơn nữa, phụ nữ chiếm 69% tổng số lao động tự doanh và làm công việc nội trợ không được trả lương, là những khu vực được phân loại là dễ bị tổn thương nhất trong lực lượng lao động.⁶³ Tỷ lệ thất nghiệp ở phụ nữ trẻ cũng cao hơn ở nam giới trẻ, vì vậy phụ nữ trẻ có xu hướng di cư ra thành phố và ra nước ngoài nhiều hơn. Với trình độ giáo dục hạn chế và thiếu kỹ năng nghề nghiệp, họ thường làm những công việc lương thấp, chất lượng thấp như giúp việc gia đình và chăm sóc, những công việc chứa đựng nguy cơ bóc lột lao động và thậm chí là lạm dụng tình dục cao. Tình trạng pháp lý không rõ ràng cũng hạn chế sự tiếp cận của họ đối với các dịch vụ bảo trợ xã hội và trợ giúp pháp lý.

62 USAID, 2010. Sự tham gia của phụ nữ trong nền kinh tế Việt Nam: Chương trình nghị sự cho hành động
63 Tổng Cục Thống kê Việt Nam, 2015. Báo cáo về Khảo sát Lực lượng lao động 2014, tr.31.

MỤC TIÊU 9

XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KIÊN CỐ, THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁT MINH, SÁNG KIẾN

Từ nhà xưởng tới các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phụ nữ phải có được cơ hội bình đẳng để xây dựng một tương lai chung và bền vững.

Một số chỉ tiêu chính

- **Xây dựng cơ sở hạ tầng có chất lượng, đáng tin cậy và bền vững và kiên cố, bao gồm những cơ sở hạ tầng khu vực và xuyên biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và thịnh vượng của con người với trọng tâm tiếp cận bình đẳng với chi phí phải chăng cho tất cả mọi người.**
- **Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa toàn diện và bền vững, đến năm 2030 tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và GDP của ngành công nghiệp phù hợp với điều kiện quốc gia và tăng gấp đôi tỷ lệ này tại những quốc gia kém phát triển (LDCs).**

Phát triển kinh tế dựa trên cơ sở hạ tầng – bao gồm đường xá, cầu cống và các công trình cho phép doanh nghiệp vận hành và người dân được sử dụng các dịch vụ cơ bản. Cơ sở hạ tầng cần bền vững trong quá trình xây dựng và sử dụng – bao gồm thông qua các công nghệ thân thiện với môi trường – và có khả năng chống chịu những rủi ro trong tương lai.

Mọi thành tố của quá trình hoạch định, xây dựng và cung cấp tài chính đều cần cân nhắc các khía cạnh giới, để phụ nữ có được điều kiện thuận lợi và dịch vụ thiết yếu đáp ứng nhu cầu và quyền của họ. Ở nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp là con đường để có việc làm lương tốt hơn và chất lượng cuộc sống cao hơn.

Ở Việt Nam, tỷ lệ lao động nữ trong ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Tỷ lệ lao động nữ dịch chuyển ra khỏi khu vực nông, lâm, ngư nghiệp thấp hơn so với nam giới. Trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, phụ nữ làm những lĩnh vực và



Photo: © UN Viet Nam/Aidan Dockery

công việc thứ cấp.⁶⁴ Những ngành công nghiệp mới và hiện có cần theo đuổi con đường phát triển bền vững, bao gồm thông qua đổi mới và cải tiến công nghệ.

Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sẽ là chìa khoá, tuy nhiên, phần lớn các nhà nghiên cứu vẫn là nam giới – ở các nước phát triển hơn thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD thì phụ nữ cũng chỉ chiếm 25% số nhà nghiên cứu.⁶⁵ Tương tự như vậy, các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất và năng lượng cũng tụt hậu khá xa mục tiêu cân bằng giới, do có ít lao động và những vị trí hoạch định là nữ.

PHỤ NỮ VỚI KHOA HỌC



Chỉ có 1/5 quốc gia đạt được bình đẳng giới, và ở những quốc gia này có từ **45% đến 55%** nhà khoa học là phụ nữ

64 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Chương trình Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.

65 UNIDO, Năng lượng bền vững cho mọi người: Góc nhìn giới, tr.11 http://www.unido.org/fileadmin/user_media_upgrade/What_we_do/Topics/Women_and_Youth/GUIDANCENOTE_FINAL_WEB.pdf

MỤC TIÊU 10

GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG TRONG MỖI QUỐC GIA VÀ GIỮA CÁC QUỐC GIA

Cho dù là trong vấn đề liên quan tới chính sách tài khóa, di cư an toàn hay cải thiện các quy định về thị trường tài chính toàn cầu thì cần phải hiểu rằng những kết quả mang lại sẽ khác nhau và có khả năng tạo ra bất bình đẳng cho phụ nữ và nam giới. Chỉ khi thừa nhận điều này, chúng ta mới có thể thực hiện các hoạt động một cách cẩn trọng để giải quyết những vấn đề này, trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.

Một số chỉ tiêu chính:

- **Đến năm 2030, trao quyền và thúc đẩy sự tham gia toàn diện về xã hội, kinh tế và chính trị của tất cả mọi người không phân biệt lứa tuổi, giới tính, tình trạng khuyết tật, chủng tộc, dân tộc, nguồn gốc, tôn giáo, địa vị kinh tế hay địa vị khác.**

Bất bình đẳng ngày càng phổ biến giữa các quốc gia và trong nhiều quốc gia, ngay cả trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao. Bất bình đẳng tạo ra bởi chính những thực tiễn bên trong các quốc gia và trong nền kinh tế toàn cầu, là sự bất công và làm yếu cấu trúc xã hội.

Ngày nay, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều trong lực lượng lao động, trong chính trị, ở các vai trò lãnh đạo, phá vỡ những khuôn mẫu và những hạn chế mang tính xã hội. Tuy nhiên, phân biệt đối xử trên cơ sở giới làm cho phụ nữ phải chịu sự bất bình đẳng sâu sắc hơn.

Phụ nữ Việt Nam làm các nghề giúp việc gia đình

và chăm sóc, cũng như những phụ nữ làm trong ngành công nghiệp tình dục và giải trí, phải đối mặt với nhiều nguy cơ nhất. Nhiều người trong số họ là lao động di cư, do vậy khó tiếp cận với dịch vụ bảo trợ xã hội. Các hợp đồng đi lao động ở nước ngoài thường đưa ra những điều kiện khắc khe đối việc mang thai và sinh nở, hạn chế các cơ hội của phụ nữ, đồng thời, thân phận người di cư và sự phụ thuộc về mặt pháp lý vào chủ sử dụng lao động ở nước ngoài cản trở phụ nữ tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội và trợ giúp pháp lý.⁶⁶ Phụ nữ thường di cư nhiều hơn nam giới và bị ảnh hưởng lớn hơn bởi những hạn chế liên quan đến việc đăng ký hộ khẩu ở Việt Nam. Do không có địa vị pháp lý ở nơi làm việc nên phụ nữ không thể tiếp cận được với các dịch vụ cơ bản khi xa nhà.

Phân biệt đối xử trên cơ sở giới có thể giao thoa với các hình thức phân biệt đối xử khác, như theo tuổi tác, tình trạng tàn tật, dân tộc, địa vị kinh tế, v.v., làm tăng thêm nhiều lần gánh nặng do bất bình đẳng gây ra. Ở Việt Nam, phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ tàn tật đặc biệt yếu thế. Họ phải vượt qua nhiều rào cản lớn để tiếp cận với các dịch vụ giáo dục và y tế. Họ cũng gặp nhiều

⁶⁶ ILSSA và UN Women, 2015. Báo cáo về bảo trợ xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam.



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

10 REDUCED INEQUALITIES



khó khăn hơn khi tìm việc.⁶⁷ Thiếu sự đầu tư vào cơ sở vật chất và các dịch vụ mà phụ nữ cần nhất như nước sạch và vệ sinh, giáo dục và chăm sóc trẻ nhỏ có thể làm gia tăng gánh nặng cho phụ nữ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Tình trạng này cũng cản trở khả năng đảm nhiệm vai trò xã hội trong đời sống cộng đồng hay nắm bắt các cơ hội việc làm năng động hơn của phụ nữ.

Nhân khẩu học Việt Nam đang thay đổi với ngày càng nhiều phụ nữ cao tuổi. 58% tổng số người từ 60 tuổi trở lên là phụ nữ. Hơn hai phần ba số đó sống ở khu vực nông thôn.⁶⁸ Phụ nữ cao tuổi thường có sức khỏe kém hơn, một phần là do sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới trong suốt cuộc đời họ. Họ ít có khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế và xã hội hơn do các trung tâm xã hội cho người già còn thiếu và chi phí của những dịch vụ này còn cao. Nhiều người phải trông con cho con gái hoặc cháu gái mình, những người phải di cư ra các thành phố hoặc sang các nước khác để tìm việc. Điều này có thể dẫn đến tình trạng căng

67 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Chương trình Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.
68 Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2014. Báo cáo về Một số phát hiện chính của Tổng điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

CHÍNH TRỊ

Tỷ lệ đại biểu nữ trong quốc hội tăng gần gấp đôi trong 20 năm qua.

Year	Percentage of Female Representatives
1995	~11%
2015	~22%

Nhưng hiện nay mới chỉ có 22% đại biểu quốc hội là nữ

thẳng và giảm sút sức khỏe ở phụ nữ cao tuổi.⁶⁹

Các quy phạm xã hội đối xử với phụ nữ như công dân hạng hai thường trở thành những trở ngại mang tính cấu trúc đối với sự tiến bộ, ví dụ như luật pháp không xử phạt thủ phạm gây ra bạo lực trên cơ sở giới. Ở Việt Nam, bạo lực với phụ nữ thường được coi là vấn đề riêng tư, khiến phụ nữ bị trói buộc trong những mối quan hệ ngược đãi. Điều này tác động tiêu cực tới mọi mặt trong đời sống phụ nữ.

69 Ngo Thi Tuan Dung, 2011. Người cao tuổi ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm từ góc độ gia đình và giới (Bài trình bày tại Diễn đàn AASSREC “Lão hoá ở châu Á – Thái Bình Dương: Cân bằng giữa Nhà nước và Gia đình” Cebu Philippines; UNFPA, 2011. Dân số đang lão hoá ở Việt Nam: hiện trạng, dự đoán và đáp ứng chính sách.

MỤC TIÊU 11

XÂY DỰNG CÁC ĐÔ THỊ VÀ CÁC CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TOÀN DIỆN, AN TOÀN, CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VÀ BỀN VỮNG

Các thành phố và cộng đồng dân cư có thể trở thành những nơi sinh sống an toàn, thịnh vượng, bình đẳng và dễ chịu, nhưng chỉ khi mỗi công dân đều tham gia vào quá trình xây dựng những khu vực này. Mọi thành tố của công tác quản lý, lập kế hoạch và tài chính đô thị cần chủ động lồng ghép các biện pháp bình đẳng giới. Và phụ nữ xứng đáng được đảm nhiệm vai trò bình đẳng trong việc ra quyết định về một thế giới vẫn đang tiếp tục đô thị hóa.

Một số chỉ tiêu chính:

- **Đến năm 2030, tất cả mọi người được tiếp cận với các hệ thống giao thông vận tải an toàn, chi phí phải chăng, thuận tiện và bền vững cho tất cả mọi người, cải thiện an toàn giao thông đường bộ, đặc biệt là thông qua việc mở rộng giao thông công cộng, đặc biệt lưu ý tới nhu cầu của những người thuộc nhóm yếu thế, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người già.**
- **Đến năm 2030, cung cấp tiếp cận toàn dân không gian công cộng xanh, an toàn, toàn diện cho tất cả mọi người, đặc biệt là không gian cho phụ nữ, trẻ em, người già và người khuyết tật.**

Trên toàn thế giới, hiện nay đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ chưa từng có trong lịch sử. Với nhiều người, cả đàn ông và phụ nữ, chuyển ra thành phố hứa hẹn cơ hội có một cuộc sống tốt đẹp hơn – thu nhập cao hơn, công việc thú vị hơn, nơi ở thoải mái hơn và dễ tiếp cận với các tiện nghi hiện đại.

Tuy nhiên, thành phố cũng là nơi chứng kiến sự bất bình đẳng và nỗi thất vọng sâu sắc. Những người mới di cư, nhiều người trong số đó là nữ, có thể phải sống chen chúc trong các khu ổ chuột, gặp khó khăn trong tiếp cận với hệ thống giao thông công cộng hoặc những dịch vụ thiết yếu như nước sạch. Cuộc sống trở nên nguy hiểm và ẩn chứa nhiều bệnh tật hơn, cùng nhiều trở ngại để có thể giữ được vị trí vững chắc trong nền kinh tế đô thị.

Ở Việt Nam, do khan hiếm nhà ở phù hợp với khả năng chi trả, người lao động và người di cư thường phải sống trong những khu nhà chật chội, không an toàn. Nhiều người không được sử dụng các công trình vệ sinh cơ bản, và có thể sống xa chợ, trung tâm y tế và cơ sở trông giữ trẻ. Người lao động, đặc biệt là phụ nữ, có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm và lạm dụng tình dục tại



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

nơi ở hoặc trên đường di chuyển,⁷⁰ nơi công cộng và trên các phương tiện công cộng.⁷¹

Phụ nữ thuộc nhóm yếu thế là những người dễ bị ảnh hưởng nhất bởi các chính sách nhà ở, nhưng thường không được tham gia vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định liên quan đến cơ sở hạ tầng của các thành phố. Các khoản vay và hỗ trợ thực tế về nhà ở hiếm khi đáp ứng được nhu cầu của các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, nhất là những hộ nghèo. Những khoản vay dài hạn để xây hoặc sửa nhà thậm chí có thể khiến họ trở nên khó khăn túng thiếu hơn.⁷²

Công tác quy hoạch đô thị cần phải đảm bảo chống chịu với thảm họa thiên nhiên. Nhìn chung, khả năng tiếp cận với tài sản và các cơ hội sinh kế của phụ nữ thấp hơn nam giới. Trong thời gian xảy ra thảm họa thiên tai, các nguy cơ bị hãm hiếp, bóc lột tình dục và hành vi không an toàn làm gia tăng nguy cơ mang thai ngoài ý muốn, các bệnh lây qua đường tình dục và các hiểm họa

70 Bộ LĐTBXH, Đề tài cấp bộ, 2012. Hiện trạng việc làm và mức sống của người lao động tại các khu công nghiệp ở Việt Nam.

71 ActionAid International Viet Nam, 2014. Những thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái: Giấc mơ có thể trở thành hiện thực không? Tóm tắt chính sách.

72 ILSSA và Women Việt Nam, 2015. Báo cáo về Bảo trợ xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam.

Các thảm họa thiên tai như bão, lũ lụt và hạn hán là nguyên nhân dẫn đến tử vong cho phụ nữ nhiều hơn đàn ông do những bất bình đẳng giới mang tính cấu trúc



liên quan tới sức khỏe sinh sản. Nhìn chung, thảm họa thiên nhiên khiến phụ nữ tử vong nhiều hơn nam giới, và khiến phụ nữ tử vong ở độ tuổi trẻ hơn nam giới.⁷³ Nếu một phụ nữ sống sót sau một thảm họa như lũ lụt hay động đất, nhiều khả năng người phụ nữ ấy sẽ có ít lựa chọn hơn so với nam giới để khôi phục lại cuộc sống.

73 Hội đồng Kinh tế và Xã hội LHQ, 2011. Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong thiên tai. Báo cáo của Tổng thư ký, tr. 3 (E/CN.6/2014/13)



MỤC TIÊU 12

BẢO ĐẢM MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ BỀN VỮNG

Một tương lai an toàn và bền vững phụ thuộc vào việc giảm thiểu sản xuất và tiêu thụ quá mức. Trong sản xuất và tiêu dùng, phụ nữ phải có được sự tiếp cận bình đẳng đối với những phương tiện như đất đai và công nghệ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.



Photo: © UN Viet Nam/Aiden Dockery

12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION



Những mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững, từ trước đến nay thường tập trung vào những quốc gia và những nhóm có chất lượng cuộc sống cao nhất, đang đẩy hành tinh này đến những giới hạn của nó. Vượt qua những giới hạn này sẽ khiến chúng ta có thể vĩnh viễn mất đi các nguồn tài nguyên. Biến đổi khí hậu, do tác động của khí thải gây hiệu ứng nhà kính, đặt ra những mối đe dọa ngày càng tăng.

Với những nhóm tiêu dùng và sản xuất hàng hóa cao cấp, các mô hình sản xuất và tiêu thụ có thể rất lãng phí. Lãng phí thực phẩm xảy ra ở mọi giai đoạn, từ cánh đồng đến bàn ăn. Những cánh rừng bị chặt phá và khoáng sản được khai thác để sản xuất ra những sản phẩm chỉ dùng cho một năm.

Thế giới của sự lãng phí tồn tại song hành với thế giới của sự túng thiếu. Trái ngược với thế giới của sự lãng phí, ở thế giới của sự túng thiếu, con người gần như chỉ có đủ để tồn tại. 60% số người nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất trên thế giới là những phụ nữ sống nhờ vào môi trường tự nhiên ngày càng bị khai thác cạn kiệt để kiếm sống và nuôi gia đình.⁷⁴

74 UNDP. Giới và biến đổi khí hậu http://www.undp.org/content/undp/en/home/ourwork/environmentandenergy/strategic_themes/climate_change/focus_areas/gender_and_climatechange.html

MỤC TIÊU 13

HÀNH ĐỘNG KHẨN CẤP NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Là người quản lý và sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên, phụ nữ có thể đưa ra những ý kiến quan trọng về việc làm thế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu và những nguy cơ của biến đổi khí hậu một cách hiệu quả hơn. Họ cũng có quyền sử dụng mọi nguồn lực cần thiết để bảo vệ bản thân tốt hơn, và tham gia vào những quyết định tác động sâu sắc đến con người và hành tinh

Một số chỉ tiêu chính:

- **Tăng cường cơ chế nâng cao năng lực để quản lý và lập kế hoạch liên quan tới biến đổi khí hậu một cách hiệu quả ở những quốc gia kém phát triển nhất (LDCs) và các quốc đảo nhỏ đang phát triển, bao gồm việc chú trọng vào phụ nữ, thanh niên, các cộng đồng địa phương và cộng đồng yếu thế.**

Biến đổi khí hậu gây ra ngày càng nhiều nguy cơ. Những cơn bão khốc liệt phá hủy cuộc sống và nhà cửa của người dân. Hạn hán gây áp lực lên sinh kế nông thôn. Nước biển dâng đe dọa những khu vực trũng thấp.

Để làm giảm quá trình ấm lên của trái đất, cần giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Biến đổi khí hậu, ở một mức độ nhất định, là một thực tế không thể tránh khỏi, tuy nhiên, cần thực thi những hành động khác để giúp người dân thích ứng và tăng khả năng chống chịu. Giáo dục và việc làm đầy đủ là một trong những yếu tố giúp xây dựng lưới an sinh xã hội để ứng phó với thảm họa.

Những người dễ bị tổn thương nhất là những người phải đối mặt với nguy cơ lớn nhất từ biến đổi khí hậu, trong đó có phụ nữ nghèo. Biến đổi khí hậu đã và đang tác động tới họ hàng ngày. Nhiều người phải dành ngày càng nhiều thời gian mỗi ngày để tìm kiếm thức ăn, nhiên liệu và nước sinh hoạt, hoặc trồng trọt vất vả. Khi thiên tai xảy ra, phụ nữ là người dễ bị ảnh hưởng nhất.⁷⁵

⁷⁵ Hội đồng Kinh tế và Xã hội LHQ, 2011. Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong thiên tai. Báo cáo của Tổng thư ký, tr. 3 (E/CN.6/2014/13)



Photo: © UNDP Viet Nam/Shutterstock

Tại Việt Nam, phụ nữ phụ thuộc vào nông nghiệp nhiều hơn nam giới, khiến họ phải đối mặt với nguy cơ mất thu nhập và nguồn lực lớn hơn do bão, lụt và hạn hán. Hơn nữa, khả năng tiếp cận tài nguyên, tín dụng, thị trường và dịch vụ mở rộng kém hơn cũng khiến phụ nữ có sức chống chịu kém hơn, đặc biệt là những người thuộc hộ nghèo. Áp lực ngày càng lớn lên nguồn tài nguyên nước và rừng cũng thường dẫn tới việc phụ nữ phải đi xa hơn để lấy nước hoặc kiếm củi, do đó phải đối mặt nhiều hơn với các mối nguy hại đến sức khỏe và làm tăng gánh nặng chăm sóc không được trả lương.

Xét trên góc độ những rủi ro liên quan đến khí hậu thì phụ nữ có thể dễ bị tổn thương, nhưng họ cũng là người nắm giữ giải pháp. Kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam cho thấy phụ nữ có thể đóng vai trò sống còn trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, nhất là khi nam giới di cư tìm việc làm.⁷⁶

**60% những người
nghèo nhất trên thế giới
là phụ nữ.**

**Họ phải phụ thuộc vào
thiên nhiên để kiếm sống
và nuôi gia đình**



⁷⁶ LHQ Việt Nam và Oxfam, 2012. Tóm tắt chính sách: Bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai.

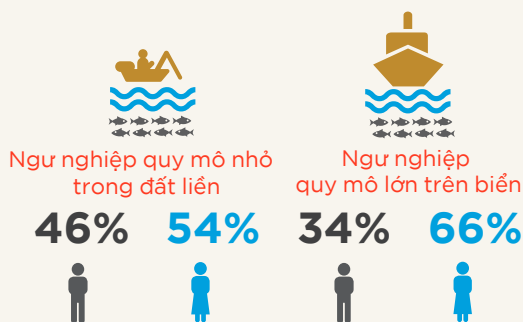
MỤC TIÊU 14

BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN LỰC BIỂN, ĐẠI DƯƠNG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phụ nữ phải đối mặt với nguy cơ các đại dương bị suy thoái, và với việc phụ nữ có ít tài sản và nguồn sinh kế thay thế hơn nam giới, sức chống chịu của họ trước tình trạng suy giảm tài nguyên thiên nhiên cũng kém hơn. Mọi chiến lược bảo tồn và sử dụng bền vững cần đáp ứng tính dễ bị tổn thương này. Thực trạng phụ nữ đại diện trong ngành khoa học đại dương còn hạn chế cần được cải thiện theo hướng cân nhắc mọi góc độ để đưa ra những biện pháp công bằng và bền vững.

NGƯ NGHIỆP

Phụ nữ chiếm 47% trong tổng số 120 triệu người làm ngư nghiệp trên thế giới và vượt trội nam giới cả trong ngành ngư nghiệp quy mô nhỏ trong đất liền và quy mô lớn trên biển



Nhưng phụ nữ tập trung chủ yếu

trong những nghề thu nhập thấp, đòi hỏi tay nghề thấp, với việc làm thời vụ, không ổn định như chế biến, đóng gói và tiếp thị,

và thường phải làm việc không có hợp đồng lao động hay những đảm bảo về sức khỏe, an toàn và quyền của người lao động.





14 LIFE BELOW WATER

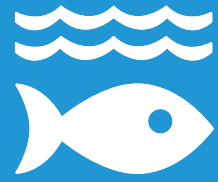


Photo: © UNDP Viet Nam/Anh Tuan

Các đại dương trên thế giới – trải rộng trên 70% bề mặt hành tinh của chúng ta – đang trong cơn khủng hoảng. Việc đánh bắt cá mang tính tận diệt đã làm sụt giảm nghiêm trọng trữ lượng cá và làm mất cân bằng hệ sinh thái biển, cũng như làm ô nhiễm và a-xít hóa các đại dương. Nhiệt độ tăng do biến đổi khí hậu làm tan chảy các núi băng dẫn đến mực nước biển dâng cao, đe dọa nhà cửa ở khắp nơi.

Trong dài hạn, những thay đổi của các đại dương có thể gây ra biến đổi khí hậu nghiêm trọng. Vào lúc này, những tác động trực tiếp nhất đã thể hiện rõ ở các cộng đồng ven biển và ở những người mà nguồn sinh kế dựa vào biển.

Phụ nữ chiếm 47% trong tổng số 120 triệu người làm nghề cá và vượt trội nam giới về số lượng cả trong ngành bắt đánh cá biển quy mô lớn (66%) lẫn đánh bắt cá trên sông hồ quy mô nhỏ (54%).⁷⁷

Ở Việt Nam, 80% lực lượng lao động trong ngành thủy sản là phụ nữ.⁷⁸ Tuy nhiên, phụ nữ tập trung chủ yếu trong những nghề thu nhập thấp, đòi hỏi tay nghề thấp, với việc làm thời vụ, không ổn định như chế biến, đóng gói và tiếp thị. Họ thường làm việc mà không có hợp đồng lao động hay những đảm bảo về sức khỏe, an toàn và quyền của người lao động. Thu nhập của phụ nữ cũng chỉ bằng khoảng 64% thu nhập của nam giới cho cùng một công việc trong ngành thủy sản.⁷⁹

77 Báo cáo mới của LHQ trích dẫn số liệu từ FAO, 2013. Các chính sách thực hành tốt nhằm xóa bỏ bất bình đẳng giới trong chuỗi giá trị nghề cá. <http://www.fao.org/docrep/019/i3553e/i3553e.pdf>

78 <http://www.fao.org/gender/gender-home/gender-programme/gender-fisheries/en/>

79 Nt.

MỤC TIÊU 15

BẢO VỆ, PHỤC HỒI VÀ TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG BỀN VỮNG CÁC HỆ SINH THÁI TRÁI ĐẤT, QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG, ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI TÌNH TRẠNG SA MẠC HÓA, NGĂN CHẶN VÀ ĐẢO NGƯỢC TÌNH TRẠNG XÓI MÒN ĐẤT VÀ NGĂN CHẶN QUÁ TRÌNH SUY THOÁI ĐA DẠNG SINH HỌC

Phụ nữ đóng vai trò rất quan trọng với tư cách là người sử dụng và quản lý đất đai, chiếm phần lớn lực lượng lao động nông nghiệp ở các nước đang phát triển.⁸⁰ Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, cần được tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc sử dụng hệ sinh thái ở mọi cấp độ, trong vai trò là những người tham gia thiết yếu trong việc bảo tồn hành tinh của chúng ta.



Trên toàn cầu, rừng đang bị chặt phá với tốc độ chóng mặt, thường là vì những khoản lợi nhuận mà bỏ qua lợi ích của cộng đồng địa phương. Việc chặt phá cây rừng làm giảm mức độ hấp thụ khí CO₂ và đa dạng sinh học, cắt đứt những liên kết trong mạng lưới tinh vi của sự sống. Những tập quán về sử dụng đất đã dẫn đến suy thoái và sa mạc hóa đất đai, cũng như hạn hán, bao gồm cả những trận hạn hán có liên quan đến biến đổi khí hậu.

Chính phủ Việt Nam đang phải xử lý xung đột giữa yêu cầu bảo vệ rừng và chuyển đổi rừng thành đất mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Những mối quan tâm về rừng có thể bị bỏ qua do những đòi hỏi khác về phát triển. Đồng thời, phá rừng có nguy cơ đe dọa lớn hơn các cộng đồng nghèo

⁸⁰ FAO, 2014. Thực trạng lương thực và nông nghiệp, tr. 35. <http://www.fao.org/3/a-i4040e.pdf>



Photo: © United Nations/Kibae Park

15 LIFE ON LAND



sống dựa vào rừng và hạn chế những tiến bộ của Việt Nam trong các nỗ lực giảm nghèo trong suốt hai thập kỷ qua. Đất đai đang suy thoái mỗi năm, hơn hai triệu héc ta đất bị suy thoái đang nằm rải rác trên khắp lãnh thổ Việt Nam,⁸¹ kéo theo hậu quả là suy giảm năng suất nông nghiệp và đa dạng sinh học.

Tất cả những mô thức này đều làm hạn chế nguồn tài nguyên giúp duy trì sự khỏe mạnh của môi trường và cuộc sống tốt đẹp của con người. Phụ nữ có thể là những người bị ảnh hưởng đầu tiên và nặng nề nhất, thường phải gánh trách nhiệm bù đắp cho sự thiếu hụt về thực phẩm và nhiên liệu. Những hạn chế về sở hữu đất đai làm giảm năng lực của họ trong việc thích ứng với những tổn thất hoặc trong việc ra quyết định về cách thức sử dụng đất – vì lợi ích của bản thân họ và môi trường.

Bất chấp những hạn chế này, phụ nữ vẫn đóng vai trò quan trọng với tư cách là những người quản lý và sử dụng đất, chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động nông nghiệp ở các nước đang phát

triển.⁸² Họ có thể là người chịu trách nhiệm chính trong việc thu lượm tài nguyên như củi đốt, hay thực phẩm tự nhiên hoặc lá cây làm thuốc. Tuy nhiên, kiến thức của họ về các tập quán truyền thống bền vững lại thường không được coi trọng trong việc ra quyết định liên quan đến hệ sinh thái bền vững.

Đây là một tổn thất, xét theo trên góc độ triển vọng cho việc khai thác hệ sinh thái một cách bền vững, điều này cũng phụ thuộc vào bình đẳng giới trên mọi khía cạnh – tiếp cận đất đai, sinh kế và tài nguyên thiên nhiên, và tiếng nói về cách thức mà tài nguyên được chia sẻ. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, cần được tham gia vào việc ra quyết định về khai thác hệ sinh thái ở mọi cấp độ, với tư cách là người tham gia thiết yếu trong việc bảo tồn hành tinh của chúng ta.

81 Tài liệu dự án của UNDP và GEF, 2015. Đẩy mạnh triển khai Công ước Rio. Tài liệu dự án của UNDP và GEF, 2002. Chương trình Hành động quốc gia của Việt Nam về chống sa mạc hoá.

82 FAO, 2014. Thực trạng lương thực và nông nghiệp, tr.35. <http://www.fao.org/3/a-i4040e.pdf>

MỤC TIÊU 16

THÚC ĐẨY XÃ HỘI HÒA BÌNH VÀ TOÀN DIỆN VÌ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TẠO CƠ HỘI TIẾP CẬN CÔNG LÝ CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI VÀ XÂY DỰNG CÁC THỂ CHẾ HIỆU QUẢ, CÓ TRÁCH NHIỆM, TOÀN DIỆN Ở TẤT CẢ CÁC CẤP

Bằng cách bảo vệ tất cả quyền của phụ nữ, không có trường hợp ngoại lệ, trong tất cả các luật pháp và tập quán, một xã hội hòa bình và toàn diện sẽ hoàn toàn nằm trong tầm tay của chúng ta.

Một số chỉ tiêu chính:

- **Giảm đáng kể tất cả các hình thức bạo lực và tỷ lệ tử vong liên quan đến bạo lực ở mọi nơi**
- **Chấm dứt tình trạng lạm dụng, bóc lột, buôn bán và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn đối với trẻ em**
- **Thúc đẩy pháp quyền ở cấp quốc gia và quốc tế, bảo đảm sự tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người.**
- **Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người đều được đăng ký hộ tịch, trong đó có thủ tục khai sinh.**

Các xã hội hòa bình và toàn diện đảm bảo thượng tôn pháp luật và tiếp cận công lý bình đẳng. Các xã hội này bảo vệ con người khỏi mọi hình thức bạo lực, bao gồm bạo lực trên cơ sở giới, và kiểm soát tham nhũng và tội phạm có tổ chức. Quá trình ra quyết định ở mọi cấp độ đảm bảo sự tham vấn rộng rãi và tính đáp ứng, và tự do cơ bản được tôn trọng. Các luật và chính sách áp dụng cho mọi người, không phân biệt đối xử.

Trên toàn cầu, phụ nữ đã tiến những bước dài trong việc tăng sự đại diện của mình trong quá trình ra quyết định, cũng như trong quản trị nhà nước nói chung. Tuy nhiên, những con số thống kê cho thấy bất bình đẳng vẫn còn tồn tại. Từ năm 1992 đến 2011, chỉ có 9% những người tham gia ở các bàn đàm phán hòa bình là phụ nữ,⁸³ mặc dù Nghị quyết quan trọng 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc năm 2000 đã công nhận phụ nữ phải giữ vai trò trung tâm trong gìn giữ hòa bình. Tính đến tháng 8 năm 2015, chỉ có 22% đại biểu, nghị sĩ quốc hội là phụ nữ.⁸⁴

Đối với phụ nữ trong nhiều xã hội, triển vọng về một cuộc sống yên bình bị suy yếu bởi bạo lực trên cơ sở giới. Ví dụ, phụ nữ chiếm tới 98% trong con số ước tính khoảng 4,5 triệu người bị bóc lột tình dục. Phân biệt đối xử trên cơ sở giới còn tồn tại trong các hệ thống pháp lý, bao gồm việc không trừng phạt người gây ra bạo lực trên cơ sở giới.

Tại Việt Nam, sự phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ, và thực trạng thủ phạm gây bạo lực với phụ

83 UN Women, 2012. Sự tham gia của Phụ nữ trong Đàm phán Hòa bình: Mối liên hệ giữa Hiện diện và Ảnh hưởng, tr. 2-3.

84 Liên minh Nghị viện Thế giới, 2015. Phụ nữ trong Nghị viện các quốc gia



16 PEACE, JUSTICE AND STRONG INSTITUTIONS



Photo: © UN Women/ Thao Hoang

nữ không bị trừng phạt, cũng như xu hướng ưa thích con trai diễn ra ngày càng phổ biến, là biểu hiện của những hủ tục xã hội. Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam không hình sự hóa một cách đầy đủ các hình thức khác nhau của bạo lực với phụ nữ và hệ thống pháp lý không đảm bảo cho nạn nhân của bạo lực với phụ nữ có được sự bảo vệ và công lý đầy đủ. Tỷ lệ thủ phạm trong các vụ bạo lực với phụ nữ bị kết án là cực kỳ thấp. Trong khi có 43% số vụ bạo lực gia đình được trình báo cảnh sát thì chỉ có 12% số vụ được báo trong đó thủ phạm bị truy tố hình sự, và chỉ 1% số vụ trong đó thủ phạm bị kết án.⁸⁵

Việt Nam vẫn là quốc gia nguồn của nạn buôn bán phụ nữ nội địa và xuyên biên giới, và số vụ việc được báo cáo liên quan đến buôn bán người nhằm mục đích bóc lột tình dục, giúp việc gia đình hoặc bạo lực gia đình do người chồng gây ra, đang tăng lên.⁸⁶ Tuy nhiên, tỷ lệ nạn nhân không nhận được trợ giúp, bảo vệ hoặc bồi thường là rất cao – ngay cả khi các quyền chính thức đã được công nhận. Phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân của buôn người phải đối mặt với nguy cơ cao bị bóc lột và lạm dụng, lạc lõng giữa nền văn hóa xa lạ,

85 Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2011. Khảo sát toàn quốc về bạo lực gia đình ở Việt Nam.

86 Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2015. Báo cáo thực trạng buôn bán người năm 2015; IOM, 2006. Lao động di cư ở khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng; Bộ Ngoại giao Việt Nam – Cục Lãnh sự, 2012. Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài.

XUNG ĐỘT

Năm 2000, nghị quyết tiên phong của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 1325 công nhận rằng

chiến tranh có những ảnh hưởng tới phụ nữ khác so với đàn ông

và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong đối thoại hòa bình



Nhưng từ năm 1992 đến 2011, **chỉ 9% các nhà đàm phán tại các bàn đàm phán hòa bình là phụ nữ**



không thể giao tiếp do khác biệt về ngôn ngữ, và không có các mối quan hệ xã hội.⁸⁷

Phụ nữ và người chuyển giới từ nam sang nữ hành nghề mại dâm là những người đặc biệt dễ bị tổn thương do sự phân biệt đối xử và bạo lực vì mại dâm bị coi là “tệ nạn xã hội” ở Việt Nam.⁸⁸ Bỏ hình sự hóa mại dâm sẽ giúp những người hành nghề mại dâm được tiếp cận công lý và dịch vụ xã hội cần thiết thay vì tiếp tục gia tăng sự kỳ thị.

87 Nt, 26, 41; MMN & AMC, 2013 Di cư ở khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng – Tài liệu cơ bản: Nghiên cứu sâu: Khu kinh tế biên giới và di cư, Chiang Mai, tr.166.

88 IOM và Bộ LĐTBXH, 2012. Mại dâm và di cư nhìn từ góc độ giới: Phát hiện từ ba thành phố của Việt Nam.

MỤC TIÊU 17

TĂNG CƯỜNG PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN VÀ THÚC ĐẨY ĐỐI TÁC TOÀN CẦU VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ mỗi cách thức thực hiện. Họ cũng cần đi đầu trong những quyết định được đưa ra – dù ở bộ tài chính, ở các công ty công nghệ, ở cơ quan thống kê hay những cơ quan có trách nhiệm theo dõi sự phát triển kinh tế toàn cầu

Một số chỉ tiêu chính:

- **Đến năm 2020, tăng cường hỗ trợ xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển, trong đó có các nước kém phát triển nhất và các quốc đảo nhỏ đang phát triển, nhằm gia tăng đáng kể dữ liệu chất lượng cao, kịp thời và đáng tin cậy được phân tách theo thu nhập, giới tính, độ tuổi, dân tộc, tình trạng nhập cư, khuyết tật, vị trí địa lý và các đặc điểm khác phù hợp với bối cảnh quốc gia**

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững sẽ không mang lại nhiều ý nghĩa nếu không có những phương tiện để triển khai. Tài chính, công nghệ, năng lực, quan hệ hợp tác và dữ liệu là một số công cụ chủ yếu. Thành công cũng phụ thuộc vào một nền kinh tế toàn cầu bền vững và khả năng của mỗi quốc gia trong việc lựa chọn chính sách để thực hiện tất cả những mục tiêu trên.

Bình đẳng giới là yếu tố then chốt trong tất cả các mục tiêu phát triển bền vững nhưng phụ nữ thường là người thiệt thòi trong các biện pháp triển khai, dù dưới hình thức nào. Mặc dù chính phủ các nước đang tăng cường xây dựng ngân sách có tính đến yếu tố giới để hưởng các nguồn

lực tài chính đến các dịch vụ và chương trình mang lại lợi ích cho phụ nữ, nhưng quá trình này cũng cho thấy sự thiếu hụt khổng lồ để đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ – tới 90%.⁸⁹ Trong năm 2012-2013, chỉ 5% tổng số viện trợ nước ngoài xác định bình đẳng giới là một mục tiêu chính.⁹⁰ Chỉ khoảng 1/3 số nước có cơ quan thống kê về giới, mặc dù số liệu phân tách theo giới là rất quan trọng để xác định cách thực hiện bình đẳng giới tối ưu.⁹¹ Nhiều quốc gia thậm chí không biết có bao nhiêu phụ nữ không được dùng nước sạch hoặc bị làm dục trong gia đình.

Việt Nam đã phân bổ ngân sách cho những hoạt động cụ thể về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Đến cuối năm 2013, sau gần 3 năm triển khai Chương trình Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015, Chính phủ Việt Nam đã dành 100 tỷ đồng (tương đương 4,7 triệu USD) để triển khai các dự án trong Chương trình từ trung ương đến địa phương. Trong giai đoạn 2009-2012, các đối tác phát triển đã cung cấp 13,8 triệu USD cho các dự án bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Các nguồn vốn này có thể đã không được phân bổ dựa trên bất kỳ một phương pháp lập kế hoạch

89 UN Women, 2015. Số tay hướng dẫn tính toán chi phí liên quan đến bình đẳng giới, tr.39.

90 Đánh giá của OECD-DAC. <http://www.oecd.org/dac/gender-development/From%20commitment%20to%20action%20FINAL.pdf>

91 Báo cáo của Tổng thư ký LHQ E/CN.6/2015/3 http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=E/CN.6/2015/3



17 PARTNERSHIPS FOR THE GOALS



Photo: © UN Women/ Jakob Jaz

ngân sách đáp ứng giới cụ thể nào.⁹² Huy động tài chính cho Các Mục tiêu Phát triển bền vững, bao gồm nguồn tài chính cho vấn đề giới, nhiều khả năng sẽ là một thách thức, trong bối cảnh nợ công tăng lên, thâm hụt ngân sách và giảm ODA do Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình.

Sự gia tăng thương mại và hội nhập quốc tế mang lại cả cơ hội và thách thức cho nền kinh tế Việt Nam. Bất bình đẳng giới nhờ đó có thể giảm đi nhưng cũng có thể tăng lên. Khu vực kinh tế hướng đến xuất khẩu của Việt Nam là nơi tập trung rất đông phụ nữ. Mặc dù quá trình công nghiệp hóa ngày càng mạnh mẽ đem lại nhiều cơ hội việc làm cho phụ nữ, nhưng đồng thời chất lượng của những việc làm mới được tạo ra vẫn còn là mối quan ngại. Nhiều việc làm đòi hỏi phụ nữ phải làm việc liên tục trong nhiều giờ, và thường với điều kiện an toàn lao động thấp. Ngoài ra, cũng còn nhiều hạn chế trong việc đào tạo chuyên môn và kỹ năng để phụ nữ có thể chiếm lĩnh vị trí cao hơn trong nấc thang nghề nghiệp.⁹³

Việt Nam cần có nhiều số liệu phân tích theo giới hơn.⁹⁴ Chẳng hạn, nếu như không có một khảo

92 UN Women, 2015. Ngân sách có tính đến yếu tố giới ở Việt Nam.

93 Ngân hàng Thế giới, 2011. Báo cáo đánh giá tình hình giới ở Việt Nam, tr. 78.

94 Ủy ban về Xóa bỏ Mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW), 2015. Quan sát kết luận về báo cáo ghép định kỳ lần thứ 7 và thứ 8 của Việt Nam, CEDAW/C/VNM/CO/7-8, 6-24/7/2015.

KẾ HOẠCH VÀ NGÂN SÁCH

Chính phủ trên toàn thế giới đang tăng cường sử dụng

ngân sách có tính đến yếu tố giới

để đảm bảo thực hiện các chính sách và kế hoạch hành động về bình đẳng giới



Nhưng dự toán kinh phí cho các kế hoạch hành động quốc gia được lựa chọn cho thấy

thâm hụt ngân sách lên tới 90%

ĐƯỢC CHI

NHU CẦU THÂM HỤT 90%

sát quốc gia toàn diện về bình đẳng giới để thu thập thông tin về 8 lĩnh vực được nêu trong Luật Bình đẳng giới⁹⁵, thì sẽ rất khó để theo dõi tiến bộ trong việc triển khai Luật. Cũng cần có nhiều phân tích chi tiết về sự yếu thế của các nhóm có nguy cơ cao, như phụ nữ chung sống với HIV hay phụ nữ tàn tật.⁹⁶ Số liệu về giới vẫn còn thiếu trong nhiều lĩnh vực như nghèo đói, công việc chăm sóc không được trả lương, sản xuất nông nghiệp, phá thai, tiếp cận dịch vụ.

95 Luật Bình đẳng giới được Quốc hội Việt Nam thông qua năm 2006 quy định việc triển khai bình đẳng giới trong 8 lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục – đào tạo; khoa học – công nghệ; văn hoá, thông tin, thể thao, y tế, gia đình.

96 Bộ LĐTBXH Việt Nam, 2014. Báo cáo Quốc gia: 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và kết quả của phiên họp đặc biệt lần thứ 23 của Đại hội đồng LHQ tại Việt Nam.



LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

ĐC: Ngôi nhà chung xanh LHQ, 304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3850 0100 | **Fax:** +84 4 3726 5520

Email: info@un.org.vn | **Web:** <http://vn.one.un.org/>

Đồng hành cùng chúng tôi:

- www.facebook.com/uninvietnam
- www.youtube.com/unvietnam